

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN CHÂU  
TỈNH TÂY NINH**

Bản án số: 45/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 27-6-2022

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Thành Chung**.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông **Phạm Tấn Lợi**;

Bà **Lý Thị Mỹ Diệu**.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Phú**, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Bích Ngọc** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 23/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2022 về Tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Ánh T**, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ 1, ấp H, xã S, huyện D, tỉnh N (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Hồng N**, sinh năm 1988; HKTT: Tổ 12, ấp T, xã H, huyện C, tỉnh N; tạm trú: Tổ 1, ấp H, xã S, huyện D, tỉnh N (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn xin ly hôn ngày 18/01/2022 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ánh T trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị và anh N sống chung từ năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Chà Là, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh. Trước khi kết hôn có tìm hiểu nhau khoảng hơn 04 năm và tự nguyện kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc đến cách đây khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn, do anh N không lo cho gia đình, không lo làm ăn. Chị gởi đơn ly hôn một lần ở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu nhưng sau đó anh N và mẹ chị năn nỉ nên chị rút đơn. Sau khi rút đơn về anh N vẫn không sửa đổi mà ngày càng bỏ bê gia đình hơn trước. Vợ chồng

thường xuyên gây gỗ, cãi vã nhiều hơn trước, có xô xát với nhau 01-02 lần nhưng không gây thương tích, không báo chính quyền địa phương. Những khi gây gỗ với nhau anh N dùng những lời lẽ thô tục, xúc phạm chị nặng nề, không chút tôn trọng chị dù trước mặt người khác. Khoảng 06 tháng nay vợ chồng không còn chung sống với nhau nữa mà anh N ngủ ở sau hè nhà. Hàng ngày anh N đi đâu chị không rõ từ sáng sớm đến tối về chút rồi lại đi tiếp, có khi không về, không quan tâm gì đến nhà cửa, con cái. Ngày 03/5/2022, anh N có liên quan trong vụ việc Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, từ đó đến nay Công an vẫn thường xuyên mời làm việc. Việc vợ chồng mâu thuẫn thì gia đình 02 bên đều biết, mẹ chị thì nói tùy chị quyết định, cha mẹ anh N không có ý kiến gì. Nay chị không còn tình cảm với anh N nên chị cương quyết ly hôn.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn V, sinh ngày 24/10/2016 và Nguyễn P, sinh ngày 05/7/2018. Nay chị yêu cầu được nuôi 02 con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn anh Nguyễn Hồng N trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh chị sống chung từ năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Chà Là, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh. Trước khi kết hôn có tìm hiểu nhau khoảng hơn 04 năm và tự nguyện kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng sống ở nhà chị T. Vợ chồng sống hạnh phúc đến cách đây hơn 01 năm thì có gây gỗ với nhau, chị T gởi đơn ly hôn một lần ở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu nhưng sau đó anh năn nỉ được nên chị T rút đơn. Trước Tết Nguyên đán năm 2022, vợ chồng tiếp tục gây gỗ do vợ chồng anh mở tiệm làm tóc mà chị T không chú tâm vào làm, anh góp ý thì vợ chồng cãi vã, không có tiếng nói chung, chị T thì nóng tính mỗi lần gây gỗ là đều muốn ly hôn. Có lần anh nóng nảy nên có nói nặng lời với chị T chứ không có gì xúc phạm quá đáng, sau đó anh đều có xin lỗi. Lần này chị T gởi đơn, anh có năn nỉ nhưng đến nay chị T vẫn chưa đồng ý rút đơn. Ngoài những việc trên thì vợ chồng không có mâu thuẫn gì khác. Nay anh vẫn còn tình cảm nên không đồng ý ly hôn. Nếu chị T vẫn cương quyết thì Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn V, sinh ngày 24/10/2016 và Nguyễn P, sinh ngày 05/7/2018. Nếu Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn thì anh đồng ý giao hai con cho chị T nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung thì anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:*

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các

đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; không xảy ra vi phạm về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án để xét xử theo hướng:

+ Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh N.

+ Về con chung: Giao 02 con chung cho chị T nuôi dưỡng; ghi nhận chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận chị T và anh N đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng công khai tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị T vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh N vắng mặt không có lý do dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T, anh N.

[2] Về hôn nhân: Chị T, anh N khai nhận anh chị chung sống với nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn ngày 06/12/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Chà Là, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn chị T cung cấp.

[2.1] Quá trình giải quyết vụ án, chị T khai nhận cách đây 05 năm anh chị chung sống không còn hạnh phúc, thường xảy ra mâu thuẫn do anh N, không chăm lo làm ăn, chị có gởi đơn ly hôn một lần nhưng đã rút đơn. Sau đó, anh N vẫn không sửa đổi, vợ chồng thường xuyên gây gổ, cãi vã nhiều hơn trước, có xô xát với nhau 01-02 lần. Những khi gây gổ với nhau anh N dùng những lời lẽ thô tục, xúc phạm chị nặng nề, không chút tôn trọng chị dù trước mặt người khác. Khoảng 06 tháng nay vợ chồng không còn chung sống với nhau nữa. Nay chị không còn tình cảm với anh N nên cương quyết ly hôn. Anh N thừa nhận vợ chồng có nhiều mâu thuẫn nhưng vẫn còn tình cảm với chị T nên không đồng ý ly hôn.

[2.2] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T thấy rằng: Anh chị đã mâu thuẫn với nhau một thời gian dài không hàn gắn được, chị T đã gởi đơn xin ly hôn 01 lần

nhưng anh N không sửa đổi, anh N có xúc phạm chị T nhiều lần là có bạo hành gia đình. Anh chị đã không còn chung sống với nhau hơn 06 tháng nay không đoàn tụ được. Nay chị T không còn tình cảm với anh N và cương quyết ly hôn dù đã được hòa giải đoàn tụ. Do đó, đã có đủ cơ sở xác định anh chị không xây dựng được hạnh phúc gia đình, tình trạng hôn nhân giữa anh chị đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Nguyễn V, sinh ngày 24/10/2016 và Nguyễn P, sinh ngày 05/7/2018. Chị T yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Anh N đồng ý giao 02 con chung cho chị T nuôi dưỡng là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, cần giao 02 con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, ghi nhận chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Anh N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh N đều không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Ánh T đối với anh Nguyễn Hồng N. Chị Nguyễn Thị Ánh T được ly hôn với anh Nguyễn Hồng N.

2- Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Ánh T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn V, sinh ngày 24/10/2016 và Nguyễn P, sinh ngày 05/7/2018; ghi nhận chị Nguyễn Thị Ánh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Anh Nguyễn Hồng N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Ánh T và anh Nguyễn Hồng N đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ánh T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007031 ngày

18/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; chị Nguyễn Thị Ánh T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Nơi nhận:*

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND xã;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**Nguyễn Thành Chung**